

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 20- 4- 2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- *Thẩm phán Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.

2. Ông Nguyễn Đình Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh 1964. Địa chỉ: ấp Hòa P, xã An P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị T, sinh 1963. Địa chỉ: ấp P Bình, xã An P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long- vắng mặt không lý do..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày:

Năm 2004, ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị T kết hôn theo phong tục tập quán. Ông X và bà T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà T sinh sống tại ấp P Bình, xã An P, huyện Mang

Thít, tỉnh Vĩnh Long. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, thường xuyên gây cãi. Mâu thuẫn vợ chồng này càng trầm trọng nên ông bà ly thân nhau từ năm 2019. Kể từ đó mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên ông X khởi kiện xin ly hôn với bà T.

Ông bà có một con chung là cháu gái tên Nguyễn Thanh K, sinh 14/8/2006, hiện do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông X giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Ông X không cấp dưỡng nuôi cháu K. Ông X không yêu cầu chia tài sản chung, chia nợ chung.

Bà T đã được thông báo hợp lệ thông báo thụ lý giải quyết vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng bà T không tham dự các phiên họp nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn X giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu tại đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Ông Nguyễn Văn X khởi kiện xin ly hôn và nuôi con đối với bà Nguyễn Thị T. Bà T có nơi cư trú tại ấp P Bình, xã An P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xác định tranh chấp ly hôn và nuôi con, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần để tham dự phiên tòa. Lần thứ nhất vào ngày 06/3/2021, lần thứ hai vào ngày 30/3/2021. Nhưng bà T không tham dự các phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị T được xác lập sau ngày 03/01/1987, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên quan hệ hôn nhân giữa ông X và bà T là không hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ông X khởi kiện xin ly hôn với bà T. Bà T đã được thông báo hợp lệ thông báo thụ lý giải quyết vụ án; thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham dự phiên tòa lần nhiều lần. Nhưng bà T đều vắng mặt không lý do và không ý kiến phản bác ý kiến yêu cầu của ông X nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2020. Điều này cho thấy, bà T đã thừa nhận ý kiến và yêu cầu của ông X nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2020 là đúng sự thật. Chứng minh được mục đích hôn nhân giữa ông X và bà T không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ông X khởi kiện xin ly hôn bà T là phù hợp với

quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, do quan hệ hôn nhân giữa ông X và bà T được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên bố bà T và ông X không phải là vợ chồng mới đúng pháp luật.

2.2. Ông X và bà T có một con chung là cháu gái tên Nguyễn Thanh K, sinh 14/8/2006, hiện do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông X giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Bà T cũng như cháu K không phản bác yêu cầu của ông X. Yêu cầu của ông X là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên có căn cứ chấp nhận.

2.3. Bà T không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi cháu K, nên không xét.

2.4. Ông X không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung, nên không xét.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc ông X nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Án dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X:

1. Hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn X là vợ chồng.

2. Con chung:

Giao bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh K, sinh 14/8/2006.

Ông Nguyễn Văn X có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Cấp dưỡng nuôi con:

Không xét, do đương sự không yêu cầu.

4. Chia tài sản chung, chia nợ chung;

Không xét, do đương sự không yêu cầu.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn X nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Ông X được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 23/12/2020, lai số 0006655.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Nguyễn Văn X, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Nguyễn Thị T vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- UBND xã An P;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh